

Số: 435/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo Chương trình Chất lượng cao
của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/08/2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Công văn số 1011/ĐHQG-ĐH&SDH ngày 17/06/2013 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc triển khai các chương trình thuộc Đề án thí điểm chương trình chất lượng cao với học phí tương ứng tại ĐHQG-HCM năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-ĐHCNTT ngày 30/08/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT về việc ban hành Quy chế đào tạo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường ĐH CNTT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đào tạo Chương trình Chất lượng cao của Trường Đại học Công nghệ Thông tin”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa/Bộ môn có liên quan, Văn phòng các chương trình đặc biệt, giảng viên và sinh viên chương trình Chất lượng cao của Trường Đại học Công nghệ Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.



Nguyễn Lưu Thùy Ngân

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2021

QUY ĐỊNH

ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHCNTT ngày 07 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Chương 1. Quy định chung.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3. Mục tiêu đào tạo.....	3
Điều 4. Tổ chức và điều hành CT CLC.....	4
Điều 5. Chương trình đào tạo.....	4
Chương 2. Tổ chức đào tạo, đảm bảo và kiểm định chất lượng.....	6
Điều 6. Tổ chức chương trình.....	6
Điều 7. Tổ chức lớp.....	6
Điều 8. Đội ngũ quản lý và cố vấn học tập.....	6
Điều 9. Phương thức xét tuyển.....	7
9.1. Tuyển sinh viên năm nhất.....	7
9.2. Tuyển sinh viên năm trên.....	7
Điều 10. Chuyển từ CT CLC sang chương trình đại trà.....	8
Điều 11. Đào tạo ngoại ngữ.....	8
Điều 12. Giảng viên và trợ giảng.....	8
12.1. Giảng viên.....	8
12.2. Trợ giảng.....	10
Điều 13. Nghiên cứu khoa học.....	11
Điều 14. Học phí.....	11
Điều 15. Học bổng, khen thưởng.....	12
15.1. Học bổng khuyến khích học tập của Nhà nước.....	12
15.2. Học bổng CT CLC.....	12
15.3. Khen thưởng, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn.....	12
Điều 16. Đảm bảo chất lượng.....	12

Điều 17. Kiểm định chất lượng	13
Chương 3. Điều khoản thi hành	14

Chương 1. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐHCNTT) được thực hiện theo *quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Trường ĐHCNTT* và *các quy định cụ thể về đào tạo áp dụng cho hệ đại học hệ chính quy*. Quy định này quy định một số vấn đề khác biệt hoặc quy định thêm đối với đào tạo chương trình chất lượng cao.

Quy định này áp dụng cho các đơn vị quản lý chương trình Chất lượng cao (CT CLC), các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy và sinh viên các CT CLC của Trường ĐHCNTT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Chương trình đại trà là chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy được ĐHQG-HCM cho phép triển khai đào tạo tại Trường ĐHCNTT, có mức trần học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ.

Chương trình chất lượng cao (CT CLC) là chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn chương trình đại trà tương ứng của cùng một ngành hoặc chuyên ngành đào tạo.

Ngoại ngữ chính của chương trình chất lượng cao (sau đây gọi tắt là ngoại ngữ) là ngoại ngữ mà chương trình chất lượng cao đó có tổ chức giảng dạy chính.

Website môn học: Mỗi lớp học lý thuyết được cấp 01 website môn học vào đầu học kỳ tại hệ thống hỗ trợ học tập của Trường (courses.uit.edu.vn), gọi tắt là Moodle.

Chương trình đại trà tương ứng: là chương trình đại trà của cùng một ngành hoặc chuyên ngành với chương trình chất lượng cao.

Đơn vị phụ trách chuyên môn (sau đây gọi tắt là đơn vị chuyên môn): Khoa, bộ môn được giao phụ trách về mặt chuyên môn cho các CT CLC

Điều 3. Mục tiêu đào tạo

Nhằm thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHCNTT, Trường xây dựng và triển khai các chương trình chất lượng cao nhằm cung cấp những chương trình đào tạo có chất

lượng tốt và có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Điều 4. Tổ chức và điều hành CT CLC

Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ cho đơn vị quản lý triển khai chương trình, phối hợp chặt chẽ với đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo.

Đơn vị quản lý triển khai chịu trách nhiệm vận hành chương trình và báo cáo định kỳ cho Ban Giám hiệu.

Điều 5. Chương trình đào tạo

CT CLC được xây dựng trên nền chương trình đào tạo đại trà tương ứng và theo quy định xây dựng chương trình đào tạo của Trường ĐHCNTT. CT CLC có sự khác biệt so với chương trình đại trà ở những điểm dưới đây:

- Chuẩn đầu ra của CT CLC phải cao hơn chuẩn đầu ra của chương trình đại trà tương ứng về năng lực chuyên môn; năng lực ngoại ngữ; năng lực làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác.
- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: để được xét tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn tất chương trình ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo và có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu:
 - Tiếng Anh: bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể mức quy đổi sang các chứng chỉ quốc tế được quy định trong Quy định đào tạo ngoại ngữ hiện hành của Trường.
 - Tiếng Nhật: tương đương JLPT N3.
- Để đảm bảo tính liên thông giữa CT CLC và chương trình đại trà, chương trình đào tạo của CT CLC và chương trình đại trà tương ứng không được khác biệt về nội dung quá 10% số tín chỉ.
- Chương trình giảng dạy của môn học có thể có các phần dành riêng cho CT CLC, thể hiện việc áp dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến và có cách thức đánh giá môn học phù hợp. Ngoài nội dung giảng dạy chính như chương trình đại trà, các môn học của CT CLC có thể có thêm các nội dung tăng cường và một số buổi "seminar ngoại khóa".

- Chương trình đào tạo có những môn học được giảng dạy hoàn toàn bằng ngoại ngữ chiếm tối thiểu 20% tổng số tín chỉ của các môn học cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành; các môn này được xác định cụ thể trong chương trình đào tạo của CT CLC và được bố trí giảng dạy từ học kỳ thứ 4 trở đi.

Chương 2. Tổ chức đào tạo, đảm bảo và kiểm định chất lượng

Điều 6. Tổ chức chương trình

- Các lớp CT CLC được ưu tiên về cơ sở vật chất cho việc học tập và nghiên cứu, được trang bị phòng học riêng có các thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập hiện đại; có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước và được cập nhật thường xuyên; có thư viện và thư viện điện tử cho giảng viên, sinh viên tra cứu, sử dụng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.
- Về chất lượng quản lý và giảng dạy: Các lớp CT CLC được quản lý và giảng dạy bởi các cán bộ có chuyên môn giỏi và có kinh nghiệm trong công tác, đảm bảo chất lượng đào tạo và dịch vụ hỗ trợ chất lượng cao cho sinh viên.

Điều 7. Tổ chức lớp

- **Lớp học phần:**
 - Quy mô lớp học không quá 50 SV/lớp đối với môn học lý thuyết.
 - Lớp học phần sẽ được mở nếu số lượng SV đăng ký tối thiểu 30 SV/lớp đối với các môn học thuộc kiến thức đại cương và cơ sở nhóm ngành, tối thiểu 15 SV/lớp đối với các môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, tối thiểu 10 SV/lớp đối với các môn ngoại ngữ. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định dựa trên tình hình thực tế triển khai.
- **Lớp sinh hoạt:** Sinh viên một khóa tuyển được bố trí vào 01 lớp sinh hoạt do 01 cố vấn học tập quản lý. Quy mô mỗi lớp sinh hoạt không quá 100 SV/lớp.

Điều 8. Đội ngũ quản lý và cố vấn học tập

- **Cố vấn học tập (CVHT):** mỗi lớp sinh hoạt do một CVHT phụ trách, CVHT do đơn vị chuyên môn đề xuất vào đầu mỗi năm học đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Trường. CVHT làm nhiệm vụ theo quy định chung của trường, ngoài ra CVHT của các CT CLC dành tối thiểu 04 giờ làm việc/tuần để gặp gỡ sinh viên tại trường nhằm nắm bắt tình hình học tập, sinh hoạt và đề xuất hỗ trợ kịp thời đến các đơn vị liên quan. CVHT có trách nhiệm công bố giờ và địa điểm làm việc cho sinh viên tại trang thông tin điện tử và bảng thông báo của đơn vị chuyên môn.

- Cán bộ phụ trách đào tạo và hỗ trợ sinh viên: phải có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

Điều 9. Phương thức xét tuyển

Việc xét tuyển vào CT CLC thực hiện theo một trong hai phương thức sau đây:

9.1. Tuyển sinh viên năm nhất

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của hệ đại học chính quy. Chỉ tiêu tuyển vào CT CLC nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Trường

9.2. Tuyển sinh viên năm trên

Tuyển bổ sung vào CT CLC vào đầu mỗi học kỳ nhưng không muộn hơn cuối năm thứ hai. Nếu ngành đào tạo CT CLC có tiến hành phân ngành/chuyên ngành vào giữa khóa học thì bắt buộc phải tổ chức tuyển bổ sung vào CT CLC không muộn hơn thời điểm phân ngành/chuyên ngành này.

Việc xét tuyển thực hiện theo các tiêu chí sau:

- Sinh viên tự nguyện tham gia vào CT CLC.
- Sinh viên đang theo học cùng khóa, cùng ngành với lớp CT CLC tương ứng. Trường hợp cần thiết Khoa có thể thông báo tuyển từ sinh viên một số ngành/chuyên ngành khác cùng khóa nếu ngành đó chưa có sự khác biệt đáng kể về chương trình đào tạo so với ngành đang đào tạo CT CLC (số tín chỉ khác biệt < 10%), đồng thời sinh viên có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của chương trình tương ứng hoặc là sinh viên trúng tuyển theo diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi.
- Có điểm rèn luyện đạt từ loại Khá trở lên.
- Sinh viên không thuộc diện chậm tiến độ theo kế hoạch đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBTL) tính tới thời điểm xét, điểm trung bình học kỳ gần nhất và điểm trung bình các môn ngoại ngữ trong CTĐT không dưới 6.5.

Đơn vị mở ngành đào tạo CT CLC có trách nhiệm thông báo tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường và theo từng học kỳ đối với phương án tuyển sinh viên năm trên.

Điều 10. Chuyển từ CT CLC sang chương trình đại trà

Sinh viên có thể xin chuyển sang chương trình đại trà trong vòng 04 học kỳ chính đầu tiên nếu có hoàn cảnh đặc biệt, đồng thời sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBTL) tính tới thời điểm xét không dưới 6.5 và có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của chương trình đại trà tương ứng.

Sinh viên làm đơn xin chuyển chương trình kèm các minh chứng để Ban Giám hiệu xem xét và ra quyết định.

Sinh viên được chuyển ra khỏi chương trình sẽ được bố trí vào lớp chương trình đại trà cùng khóa và thuộc ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành đào tạo CT CLC mà sinh viên đang học.

Điều 11. Đào tạo ngoại ngữ

- Vào đầu khóa học, sinh viên CT CLC phải tham dự kiểm tra ngoại ngữ đầu vào để phân loại trình độ theo quy định chung của Trường.
- Trong quá trình học, sinh viên phải đạt các chuẩn quá trình và chuẩn đầu ra theo quy định về đào tạo ngoại ngữ hiện hành của Trường.
- Nhằm tăng cường kỹ năng ngoại ngữ song song với việc trang bị kiến thức chuyên ngành cho sinh viên, những môn học giảng dạy bằng ngoại ngữ được triển khai giảng dạy theo lộ trình được thiết kế trong chương trình đào tạo.
- Tùy theo tình hình cụ thể, Trường có thể mở các chương trình ngoại ngữ tăng cường nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra theo quy định.

Điều 12. Giảng viên và trợ giảng

12.1. Giảng viên

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, riêng giảng viên dạy các học phần thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành, tốt nghiệp) phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc

thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù); Có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành đào tạo chất lượng cao từ 03 năm trở lên; Có phương pháp giảng dạy hiệu quả.

- Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ phải đạt thêm yêu cầu về trình độ ngoại ngữ
 - Giảng dạy bằng tiếng Anh: được quy định trong Quy định đào tạo ngoại ngữ hiện hành của Trường.
 - Giảng dạy bằng tiếng Nhật: đạt trình độ tương đương JLPT N2 trở lên.
- Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CT CLC do Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của trường đơn vị chuyên môn hoặc Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.
- Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, mỗi giảng viên được mời giảng dạy tối đa 02 môn học cho 01 khóa trong 01 học kỳ.
- Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy hoặc mời giảng viên thỉnh giảng khi cần thiết.
- Giảng viên thỉnh giảng phải cung cấp lý lịch khoa học và bằng cấp cho đơn vị quản lý trong lần đầu tham gia giảng dạy và bổ sung khi có cập nhật, ký hợp đồng giảng dạy với nhà trường, tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc giảng dạy môn học
- Việc giảng dạy phải được thực hiện trên quan điểm lấy người học làm trung tâm. Người học phải được tạo điều kiện để thể hiện vai trò chủ động trong tiến trình học tập. Giảng viên được khuyến khích giảng dạy bằng song ngữ, sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo bằng ngoại ngữ; khuyến khích các bài tập, đồ án, bài thuyết trình ... của sinh viên viết bằng ngoại ngữ, giải đáp thắc mắc kịp thời cho sinh viên trong vòng 24 giờ thông qua website môn học của Trường.
- Trong tuần đầu tiên của học kỳ, giảng viên phải thông báo công khai cho sinh viên về đề cương giảng dạy môn học; trong đó đặc biệt chú ý các thông tin, các phần học bổ sung tăng cường; các thành phần đánh

giá và tỷ lệ tính của từng thành phần đánh giá vào điểm tổng kết môn học, tỷ lệ này có thể khác biệt với chương trình chính quy đại trà và phải được quy định rõ trong đề cương môn học.

12.2. Trợ giảng

- Có 2 hình thức trợ giảng là trợ giảng phụ trách thực hành (sau đây gọi là trợ giảng thực hành) và trợ giảng phụ trách lý thuyết (sau đây gọi là trợ giảng lý thuyết).
- Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án;
- Trường được sử dụng nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên năm cuối có kết quả học tập đạt loại giỏi các CTĐT kỹ sư - cử nhân tài năng, CT CLC, chương trình tiên tiến tham gia hoạt động trợ giảng.
- Danh sách trợ giảng do đơn vị chuyên môn phụ trách môn học phân công hoặc do giảng viên lý thuyết đề nghị.
- Đối với giảng viên lý thuyết đáp ứng điều kiện được có trợ giảng lý thuyết theo quy định về tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy môn học của Trường, thì mỗi lớp lý thuyết có thể có thêm 01 trợ giảng lý thuyết đối với các lớp đã có trợ giảng thực hành, hoặc có thêm tối đa 02 trợ giảng lý thuyết đối với các lớp không có trợ giảng thực hành.
- Trợ giảng phải theo dõi và trả lời thắc mắc của sinh viên trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được câu hỏi, thông qua website môn học và email trong suốt học kỳ diễn ra môn học.
- Trợ giảng thực hành
 - i. Đối với thực hành hình thức 1: giảng dạy theo thời khóa biểu.
 - ii. Đối với thực hành hình thức 2: tổ chức ít nhất 15 tiết gặp trực tiếp sinh viên để hướng dẫn và giải đáp thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực hiện các nội dung thực hành. Thời khóa biểu các buổi thực hành này phải được đăng ký và công bố cho sinh viên của lớp từ đầu học kỳ.

- iii. Cung cấp đầy đủ bài hướng dẫn thực hành, bài tập trên website môn học.
- Trợ giảng lý thuyết
 - i. Có mặt tại lớp lý thuyết theo yêu cầu của giảng viên lý thuyết với thời lượng tối thiểu là 1/3 số tiết dạy lý thuyết. Hoặc tổ chức các buổi giải bài tập, thảo luận theo lịch cố định hàng tuần, ngoài giờ học lý thuyết.
 - ii. Làm việc theo sự phân công của giảng viên lý thuyết: chấm bài tập hàng tuần, giải bài tập, trả lời sinh viên qua email hoặc website môn học

Điều 13. Nghiên cứu khoa học

- Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy môn học thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp (là môn học cơ sở nhóm ngành, cơ sở ngành hoặc chuyên ngành) của CT CLC phải có tối thiểu 01 công trình nghiên cứu khoa học (NCKH) được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành đào tạo CT CLC.
- Trong cả khoá học, mỗi sinh viên CT CLC phải được tham gia NCKH theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn, tham gia đề tài NCKH với giảng viên (thực hiện khóa luận tốt nghiệp được tính như là có NCKH). Hàng năm, giảng viên và sinh viên CT CLC phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CT CLC.
- Đơn vị quản lý chuyên môn có trách nhiệm tạo điều kiện để sinh viên từ năm thứ 3 tham gia NCKH và báo cáo kết quả NCKH của sinh viên cho đơn vị quản lý đào tạo cuối mỗi năm học.

Điều 14. Học phí

- Mức học phí của CT CLC được công bố vào đầu mỗi khóa học và không thay đổi trong toàn khóa.
- Sinh viên có thể đóng học phí cả năm hoặc từng học kỳ theo kế hoạch thu học phí chung của Trường.

Điều 15. Học bổng, khen thưởng

15.1. Học bổng khuyến khích học tập của Nhà nước

- Sinh viên CT CLC cũng được xét nhận học bổng khuyến khích học tập của Nhà nước theo quy định như sinh viên chương trình đại trà.

15.2. Học bổng CT CLC

- Học bổng học tập: căn cứ trên kết quả học tập và rèn luyện mỗi học kỳ của sinh viên, nhà trường sẽ cấp 03 suất học bổng dành cho 03 sinh viên xuất sắc nhất theo từng khóa của từng ngành (ĐTBHK \geq 8.0, Điểm rèn luyện đạt loại Khá trở lên; trường hợp có nhiều sinh viên cùng ĐTBHK thì xét theo kết quả điểm rèn luyện và ưu tiên sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động do đơn vị quản lý tổ chức). Học bổng bao gồm 01 suất học bổng toàn phần và 02 suất học bổng bán phần tương ứng *mức học phí học kỳ* áp dụng cho học kỳ tiếp theo mà sinh viên phải đóng.
- Học bổng tân sinh viên: căn cứ trên kết quả và phương thức xét tuyển đại học, Trường sẽ cấp 03 suất học bổng dành cho 03 tân sinh viên có kết quả xét tuyển cao nhất của mỗi ngành, bao gồm 01 suất học bổng toàn phần và 02 suất học bổng bán phần tương ứng với học phí học kỳ đầu tiên của khóa học.

15.3. Khen thưởng, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn

- Trường có cơ chế khen thưởng nhằm khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt kết quả tốt, hỗ trợ sinh viên tham gia các chương trình trao đổi giao lưu học tập, tham gia báo cáo ở các hội nghị khoa học có uy tín.
- Danh sách sinh viên được khen thưởng, hỗ trợ do đơn vị chuyên môn xét duyệt đề nghị và Hiệu trưởng quyết định.

Điều 16. Đảm bảo chất lượng

- Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm chọn các cán bộ đạt yêu cầu theo quy định và có kinh nghiệm giảng dạy để phụ trách giảng dạy các môn học cho các lớp thuộc CT CLC.

- Trong vòng 02 tuần đầu của mỗi học kỳ, đơn vị quản lý và các cố vấn học tập gặp gỡ sinh viên tất cả các lớp CT CLC để trao đổi và nhận phản hồi về tình hình giảng dạy và sinh hoạt.
- Cuối học kỳ, đơn vị quản lý phối hợp với phòng Thanh tra - Pháp chế - Đảm bảo chất lượng tổ chức lấy ý kiến sinh viên (dùng phiếu thăm dò, qua website, ...) về việc giảng dạy môn học và có trách nhiệm trao đổi với giảng viên để rút kinh nghiệm về các góp ý của SV.
- Tổ chức lấy ý kiến sinh viên tối thiểu 01 lần mỗi học kỳ về công tác quản lý, phục vụ, điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên.

Điều 17. Kiểm định chất lượng

- Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm tự đánh giá chất lượng của CT CLC và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo chất lượng cho CT CLC.
- Đăng ký kiểm định CT CLC sau 02 khóa tốt nghiệp theo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Chương 3. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021

Quy định này áp dụng cho các đơn vị quản lý CT CLC, các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình đào tạo CLC, giảng viên tham gia giảng dạy và sinh viên các CT CLC của Trường ĐHCNTT.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy định do Hiệu trưởng quyết định.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HANOI
Nguyễn Lưu Thùy Ngân